UBND HUYỆN HIỆP HÒA **TRUNG TÂM PTQĐ&CCN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 87 /TB-PTQĐ&CCN	*Hiệp Hoà, ngày 24 tháng 10 năm 2022*

THÔNG BÁO

Về việc đấu giá và lựa chọn tổ chức đấu giá QSD đất ở đối với 59 lô đất tại các xã: Danh Thắng, Hùng Sơn, Mai Trung, Châu Minh, Hợp Thịnh và thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ các Thông tư: số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá; số 108/2020/TT-BTC, ngày 21/12/2020 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định khu thù lao dịch vụ đấu giá tài sản; số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá.

Căn cứ Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định 602/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND huyện Hiệp Hòa về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 149 lô đất tại các xã: Khu dân cư Danh Thắng, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa (giai đoạn 2);

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá QSD đất ở đối với 05 lô đất ở tại Điểm dân cư Bách Nhẫn, xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa;

Căn cứ Quyết định 2002/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện Hiệp Hòa về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 37 lô đất tại Điểm dân cư Ngọ Xá, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa;

Căn cứ Quyết định 941/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở

tại tại Khu dân cư Trung tâm hành chính Phố Hoa (giai đoạn 2), thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của UBND huyện Hiệp Hòa về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 93 lô đất ở tại Khu dân cư Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá QSD đất ở đối với 14 lô đất ở tại KDC Cầu Mía, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa.

Để việc đấu giá QSD đất ở đối với các hồ sơ trên đảm bảo theo đúng quy định, Trung tâm PTQĐ&CCN huyện Hiệp Hòa thông báo việc đấu giá và lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản QSD đất ở, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ người có tài sản: UBND huyện Hiệp Hòa. (*Trung tâm PTQĐ&CCN huyện Hiệp Hòa là đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá QSD đất – Đại diện người có tài sản*).

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng: **59** lô đất tại các xã: Danh Thắng, Hùng Sơn, Mai Trung, Châu Minh, Hợp Thịnh và thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, cụ thể:

- Tổng diện tích là **7,879.8 m^2**.
- Tổng giá khởi điểm: **83.452.040.000** đồng (*Bằng chữ: Tám ba tỷ, bốn trăm năm hai triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn*)
- Hiện trạng khu đất: Đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo theo quy định.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Đảm bảo đủ tiêu chí, đáp ứng theo quy định tại khoản 4, Điều 56 Luật đấu giá tài sản; Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTP, ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp (*Chấm điểm theo bảng tiêu chí đánh giá lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá kèm theo*)

4. Hồ sơ đăng ký gồm có:

- Công văn đề nghị lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản.
- Hồ sơ năng lực của tổ chức.
- Phương án đấu giá và thù lao dịch vụ đấu giá.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày **25/10/2022** đến ngày **28/10/2022**, trong giờ hành chính.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Trung tâm Phát triển quỹ đất và CCN huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

* Mọi thông tin đề nghị liên hệ: Trung tâm Phát triển quỹ đất và CCN huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Địa chỉ: Khu trụ sở Nhà liên cơ quan huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: 02043.606.688.

6. Hình thức nộp hồ sơ:

- Hồ sơ đăng ký phải nộp trực tiếp (*không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).*

- Người đại diện tổ chức đấu giá tài sản đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu (còn hiệu lực) của của quan, đơn vị cử đến, CMND hoặc CCCD.

- Tổ chức đấu giá tài sản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ.

- Không hoàn trả hồ sơ của Tổ chức đấu giá tài sản không được lựa chọn.

Trên đây là thông báo việc đấu giá và lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất ở đối với **59** lô đất tại các xã: Danh Thắng, Hùng Sơn, Mai Trung, Châu Minh, Hợp Thịnh và thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, đề nghị các tổ chức đấu giá có đủ điều kiện theo tiêu chí trên nộp hồ sơ đăng ký để UBND huyện lựa chọn, tổ chức đấu giá đảm bảo theo quy định./.

(Có danh sách lô đất kèm theo).

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (b/c);
- banbientap_stp@bacgiang.gov.vn;
- so_tuphap_vt@bacgiang.gov.vn;
- Trang thông tin điện tử Hiệp Hòa;
- Phòng TCKH, TNMT, Trung tâm PTQĐ&CCN;
- UBND các xã: Danh Thắng, Hùng Sơn, Mai Trung, Châu Minh, Hợp Thịnh và thị trấn Bắc Lý;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP

Hoàng Văn Cường

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LÔ ĐẤT, DIỆN TÍCH ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI CÁC XÃ: DANH THẮNG, HÙNG SƠN, MAI TRUNG, CHÂU MINH, HỢP THỊNH VÀ THỊ TRẤN THẮNG, HUYỆN HIỆP HÒA

(Kèm theo Thông báo số 87 /TB-PTQĐ&CCN, ngày 24 / 10 /2022 của Trung tâm PTQĐ&CCN huyện Hiệp Hòa)

STT	Lô số	Diện Tích (m2)	Giá khởi điểm		Ghi chú
			Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	
I. KDC Cầu Mía, xã Hợp Thịnh					
Phân lô LK-2					
1	05	108.0	8,000,000	864,000,000	
2	06	108.0	8,000,000	864,000,000	
3	07	108.0	8,000,000	864,000,000	
4	08	108.0	8,000,000	864,000,000	
5	09	108.0	8,000,000	864,000,000	
6	10	128.7	9,600,000	1,235,520,000	*Tiếp giáp 2 mặt tiền*
Phân lô LK-1					
7	01	105.5	6,000,000	633,000,000	
8	02	107.6	6,000,000	645,600,000	
9	03	108.0	6,000,000	648,000,000	
10	04	108.0	6,000,000	648,000,000	
11	05	108.0	6,000,000	648,000,000	
12	06	108.0	6,000,000	648,000,000	
13	07	108.0	6,000,000	648,000,000	
14	08	108.0	6,000,000	648,000,000	
Phân lô LK-6					
15	10	116.1	4,000,000	464,400,000	*Tiếp giáp 2 mặt tiền*
Tổng:		**1,645.9**		**11,186,520,000**	
II. Điểm dân cư Ngọ Xá, xã Châu Minh					
Phân lô LK1					
16	3	102.0	9,000,000	918,000,000	
17	6	102.0	9,000,000	918,000,000	
18	7	102.0	9,000,000	918,000,000	
19	9	102.0	9,000,000	918,000,000	
20	10	102.0	9,000,000	918,000,000	
21	11	102.0	9,000,000	918,000,000	
22	12	102.0	9,000,000	918,000,000	
23	24	105.6	5,000,000	528,000,000	
Phân lô LK2					
24	2	99.6	6,000,000	597,600,000	
Cộng:		**919.2**		**7,551,600,000**	
III. KDC thôn Trung Hòa, xã Mai Trung					
Phân Lô LK02					
25	1	175.2	21,600,000	3,784,320,000	*Tiếp giáp 2 mặt tiền*
26	11	108.0	18,000,000	1,944,000,000	
27	16	108.0	10,000,000	1,080,000,000	
Tổng:		**391.2**		**6,808,320,000**	

IV. Điểm dân cư Bách Nhẫn, xã Hùng Sơn					
28	1	245.0	15,000,000	3,675,000,000	
29	3	247.0	15,000,000	3,705,000,000	
30	5	243.0	15,000,000	3,645,000,000	
Tổng:		**735.0**		**11,025,000,000**	
V. KDC Danh Thắng (giai đoạn 2), xã Danh Thắng					
Phân lô LK.02					
31	02	214.0	8,500,000	1,819,000,000	
32	05	184.0	8,500,000	1,564,000,000	
33	06	194.0	8,500,000	1,649,000,000	
34	07	204.0	8,500,000	1,734,000,000	
35	08	206.0	8,500,000	1,751,000,000	
36	09	192.0	8,500,000	1,632,000,000	
37	10	187.0	8,500,000	1,589,500,000	
38	11	178.0	8,500,000	1,513,000,000	
39	13	183.0	8,500,000	1,555,500,000	
40	14	186.0	8,500,000	1,581,000,000	
Phân lô LK.01					
41	07	126.0	8,500,000	1,071,000,000	
Tổng:		**2,054.0**		**17,459,000,000**	
VI. KDC Trung tâm hành chính Phố Hoa (giai đoạn 2), thị trấn Bắc Lý					
Phân lô OM5					
42	08	111.0	13,000,000	1,443,000,000	
43	09	111.0	13,000,000	1,443,000,000	
44	14	127.5	15,600,000	1,989,000,000	*Tiếp giáp 02 mặt tiền*
45	16	117.0	13,000,000	1,521,000,000	
46	17	117.0	13,000,000	1,521,000,000	
47	18	117.0	13,000,000	1,521,000,000	
48	19	117.0	13,000,000	1,521,000,000	
49	20	117.0	13,000,000	1,521,000,000	
Phân lô OM6					
50	23	129.0	15,600,000	2,012,400,000	*Tiếp giáp 02 mặt tiền*
51	24	114.0	13,000,000	1,482,000,000	
52	28	114.0	13,000,000	1,482,000,000	
53	29	114.0	13,000,000	1,482,000,000	
54	30	129.0	15,600,000	2,012,400,000	*Tiếp giáp 02 mặt tiền*
55	31	129.0	15,600,000	2,012,400,000	*Tiếp giáp 02 mặt tiền*
56	34	114.0	13,000,000	1,482,000,000	
57	35	114.0	13,000,000	1,482,000,000	
58	36	114.0	13,000,000	1,482,000,000	
59	38	129.0	15,600,000	2,012,400,000	*Tiếp giáp 02 mặt tiền*
Tông:		**2,134.5**		**29,421,600,000**	
Tổng cộng:		**7,879.8**		**83,452,040,000**	

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP HUYỆN HIỆP HÒA
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	**Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá**	**23,0**
1	***Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá***	***11,0***
1.1	*Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)*	*6,0*
1.2	*Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện*	*5,0*
2	***Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá***	***8,0***
2.1	*Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá*	*4,0*
2.2	*Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá*	*4,0*
3	***Có trang thông tin điện tử đang hoạt động***	***2,0***
4	***Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến***	***1,0***
5	***Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá***	***1,0***
II	**Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả** *(Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)*	**22,0**
1	***Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan***	**4,0**
2	***Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao***	**4,0**
3	***Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá***	***4,0***
4	***Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá***	***4,0***
5	***Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá***	***3,0***
6	***Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá***	***3,0***
III	**Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản**	**45,0**
1	***Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5***	***6,0***

1.1	*Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)*	*2,0*
1.2	*Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng*	*3,0*
1.3	*Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng*	*4,0*
1.4	*Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng*	*5,0*
1.5	*Từ 30 hợp đồng trở lên*	*6,0*
2	***Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5***	***18,0***
2.1	*Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)*	*10,0*
2.2	*Từ 20%) đến dưới 40%*	*12,0*
2.3	*Từ 40% đến dưới 70%*	*14,0*
2.4	*Từ 70% đến dưới 100%*	*16,0*
2.5	*Từ 100% trở lên*	*18,0*
3	***Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3***	***5,0***
3.1	*Dưới 03 năm*	*3,0*
3.2	*Từ 03 năm đến dưới 05 năm*	*4,0*
3.3	*Từ 05 năm trở lên*	*5,0*
4	***So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3***	***3,0***
4.1	*01 đấu giá viên*	*1,0*
4.2	*Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên*	*2,0*
4.3	*Từ 05 đấu giá viên trở lên*	*3,0*
5	***Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3***	***4,0***
5.1	*Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*2,0*
5.2	*Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*3,0*
5.3	*Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*4,0*
6	***Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4***	***5,0***

6.1	*Dưới 50 triệu đồng*	*2,0*
6.2	*Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng*	*3,0*
6.3	*Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng*	*4,0*
6.4	*Từ 200 triệu đồng trở lên*	*5,0*
7	***Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2***	***3,0***
7.1	*Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)*	*2,0*
7.2	*Từ 03 nhân viên trở lên*	*3,0*
8	***Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn***	***1,0***
IV	**Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp *Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3***	**5,0**
1	***Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính***	***3,0***
2	***Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)***	***4,0***
3	***Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)***	***5,0***
V	**Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định:** Các tổ chức đấu giá đã thực hiện công tác an sinh xã hội, ủng hộ các loại quỹ như: Quỹ phòng chống dịch Covid – 19; quỹ vì người nghèo; quỹ khuyến học trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2021.	**5,0**
Tổng số điểm		**100**
VI	**Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố**	
1	***Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố***	***Đủ điều kiện***
2	***Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố***	***Không đủ điều kiện***